

THIẾT KẾ BÀI TẬP RÈN KỸ NĂNG DỊCH CỤM ẨN DỤ HỌC PHẦN VĂN HỌC ANH - MỸ

Nguyễn Thị Quyết¹

TÓM TẮT

Dạy Văn học Anh - Mỹ là một công việc đòi hỏi nhiều công sức bởi vì các cách sử dụng từ ngữ khác biệt, khó hiểu trong các tác phẩm văn học. Đặc biệt, các cụm ẩn dụ gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên trong việc tìm hiểu tác phẩm. Nghiên cứu này tập trung vào việc thiết kế các bài tập ngôn ngữ nhằm giúp sinh viên hiểu rõ các cụm ẩn dụ, từ đó hiểu rõ tác phẩm. Kết quả cho thấy các bài tập này đã giúp sinh viên hiểu tác phẩm tốt hơn đồng thời nâng cao được cả kết quả học tập học phần Văn học Anh - Mỹ của họ.

Từ khóa: Văn học Anh - Mỹ, ẩn dụ, học tiếng Anh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc học Văn học Anh - Mỹ của sinh viên chuyên ngữ so với học văn học Việt Nam có những điểm khác biệt nhất định, chẳng hạn như, với các tác phẩm văn học Việt Nam, người đọc có thể đọc và hiểu ngay tương đối rõ ràng nội dung và tình tiết của tác phẩm. Vì vậy, những bình diện nghệ thuật được nhấn mạnh trong dạy học môn văn học Việt Nam. Trong khi đó, đối với môn văn học Anh - Mỹ, sinh viên chuyên ngữ thường gặp khó khăn trong việc hiểu ý nghĩa của tác phẩm. Cụ thể, việc hiểu ý nghĩa từng từ trong tiếng Anh không đảm bảo được việc hiểu nội dung của câu, của đoạn và văn bản một cách chính xác. Một trong những nguyên nhân là cách kết hợp từ, cách biểu đạt theo phép ẩn dụ, vì thế, ý nghĩa của một từ cụ thể trong câu khác xa với nghĩa của từ trong từ điển. Việc hiểu không đúng ý nghĩa của từ trong văn bản, mà cụ thể ở đây là các tác phẩm Văn học Anh - Mỹ sẽ khiến sinh viên hiểu sai ý nghĩa tác phẩm, và không nắm được nội dung bài học một cách rõ ràng thấu đáo. Việc tìm ra các giải pháp tối ưu giúp người học nắm vững, tường giải nghĩa ẩn dụ trong các tác phẩm Văn học Anh - Mỹ là cần thiết, giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyển dịch nghĩa ẩn dụ trong các tác phẩm văn học Anh - Mỹ trong chương trình đào tạo, từ đó nâng cao kết quả học tập môn Văn học Anh - Mỹ. Tác giả xác định được những khó khăn mà sinh viên gặp phải về phương diện ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học Anh Mỹ trong chương trình, từ đó xây dựng các bài tập, từng bước rèn kỹ năng chuyển dịch nghĩa ẩn dụ trong tài liệu dạy học văn học Anh - Mỹ.

2. NỘI DUNG

2.1. Ẩn dụ và cách xác định ẩn dụ trong nghiên cứu

Rất nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm đến vấn đề ẩn dụ. Theo một số học giả trong lĩnh vực nghiên cứu này như: Lakoff and Johnson (1980, 2003), Gibb (1990, 2006),

¹ Giảng viên khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hồng Đức

Kovecses (2010), Charteris Black (2002, 2004), Picken (2007), ẩn dụ là một khái niệm tương đối hơn là tuyệt đối. Bởi nghĩa của từ thay đổi theo thời gian và những gì đã từng là ẩn dụ có thể không được hiểu như là một ẩn dụ nữa. Cùng một từ có thể mang những nghĩa khác nhau tùy thuộc vào những người nói khác nhau. Theo Lakoff và Johnson (2003) [7; tr.117], ẩn dụ “cho phép hiểu một miền kinh nghiệm này bằng một miền kinh nghiệm khác” và ẩn dụ cách chúng ta dùng từ với ý nghĩa “khác với nghĩa trong từ điển”.

Các tiêu chí xác định ẩn dụ từ đường hướng ngôn ngữ học tri nhận là: Ẩn dụ được tạo nên từ sự thay đổi trong hệ thống ý niệm. Nền tảng của thay đổi này xuất phát từ mối liên hệ tâm lý giữa “cái biểu đạt của biểu thức ngôn ngữ trong ngữ cảnh nguồn ban đầu và cái được biểu đạt trong ngữ cảnh đích của ẩn dụ sáng tạo” [2; tr.21]. Quy trình đó có thể được thực hiện do: (1) sự tái thể hiện ngôn ngữ từ ngữ cảnh mà nó thường xuất hiện sang một ngữ cảnh khác hoặc một miền khác mà người ta không cho rằng sẽ xuất hiện, do đó sẽ gây ra những khó khăn trong việc hiểu được ý nghĩa; (2) cần có sự phân biệt giữa ẩn dụ quy ước và ẩn dụ sáng tạo; (3) việc hiểu ẩn dụ ý niệm và các khía cạnh cơ bản của ý niệm.

Do đó, chúng tôi đề ra những câu hỏi để xác định ẩn dụ ngôn ngữ như sau:

1. Có sự hoà hợp về nghĩa đen giữa hai yếu tố trong diễn đạt X là Y hoặc trong tổ hợp từ không?

2. Có sự phù hợp về nghĩa đen của biểu thức ngôn ngữ trong ngữ cảnh cụ thể mà biểu thức đó xuất hiện hay không?

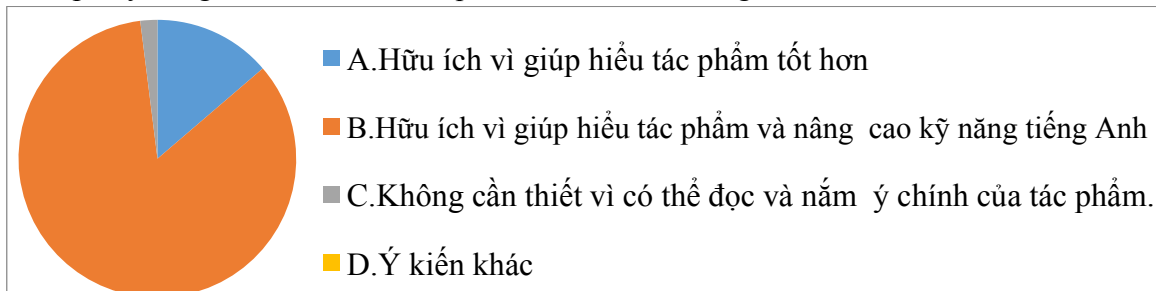
Nếu câu trả lời cho cả hai câu hỏi là phủ định, tác giả sẽ tiếp tục trả lời câu hỏi thứ ba:

3. Xét trên miền ý niệm nào thì những yếu tố này có thể hoà hợp?

Khi đã xác định được rõ ràng qua phép ánh xạ nào thì biểu thức ngôn ngữ đó là phù hợp, tác giả sẽ thực hiện việc diễn giải các ẩn dụ dựa vào các miền này và lọc chúng ra khỏi tác phẩm để làm ngữ liệu xây dựng bài tập dành cho sinh viên.

2.2. Tầm quan trọng của việc hiểu được các cụm ẩn dụ trong học phần

Việc dịch các cụm ẩn dụ trong tác phẩm văn học Anh - Mỹ có thể là giải pháp giúp người học hiểu rõ ràng những biểu đạt ngôn ngữ trong tác phẩm, từ đó, hiểu rõ ý nghĩa của tác phẩm, giá trị nghệ thuật của nó, cũng như nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của mình. Vì vậy, chúng tôi tìm hiểu xem người học có đánh giá thế nào nếu các cụm chứa ẩn dụ được dịch sang tiếng Việt. Tác giả chỉ tập trung vào hai bình diện là hiểu tác phẩm và nâng cao kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, lựa chọn về sự không cần thiết phải thiết kế dạng bài tập này cũng được đưa ra. Kết quả được thể hiện trong sơ đồ sau.



Hình 3. Tầm quan trọng của bài tập chuyển dịch cụm ẩn dụ

Tỉ lệ dẫn đầu là lựa chọn bài tập chuyển dịch cụm ẩn dụ giúp họ hiểu tác phẩm và nâng cao kĩ năng tiếng Anh với 84,3% số sinh viên, bên cạnh đó, 13,7% thống nhất là tác dụng của loại bài tập này giúp họ hiểu tác phẩm tốt hơn, chỉ có 2% cho rằng họ có thể đọc, nắm ý chính tác phẩm và việc làm các bài tập này là không cần thiết. Điều đó chỉ ra rằng, việc làm các bài tập này đối với sinh viên là hữu ích, giúp họ có được sự hiểu biết tác phẩm và ngôn ngữ tốt hơn. Đây là điều dễ hiểu bởi vì rào cản ngôn ngữ từ những cách sử dụng từ ngữ tu từ nghệ thuật thật sự sẽ gây rất nhiều khó khăn cho người học ngoại ngữ khi đọc, tìm hiểu tác phẩm văn học Anh - Mỹ.

2.3. Các dạng bài tập rèn dịch nghĩa ẩn dụ

Việc xây dựng hệ thống bài tập để đưa vào lồng ghép trong chương trình dạy học Văn học Anh - Mỹ dựa vào việc rèn luyện năng lực cho sinh viên. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng thang nhận thức của Bloom cải tiến để làm nền tảng xây dựng hệ thống bài tập, bao gồm các cấp độ sau:

Ở mức độ thứ nhất và thứ hai, Bloom gợi ý sử dụng những từ như: nhận biết, xác định, giải thích, trình bày lại để diễn tả hai cấp độ này. Ở đây, tác giả cố gắng cho sinh viên nhớ và hiểu được các từ, cụm từ dùng theo nghĩa ẩn dụ, trong nghiên cứu này, tác giả gọi chung là nhận biết được ẩn dụ.

Ở mức độ thứ 3 và thứ 4: vận dụng và phân tích, theo Bloom, đó là sử dụng những kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới, là khả năng nhận biết chi tiết, phát hiện và phân biệt các bộ phận cấu thành của thông tin hay tình huống. Với các động từ đặc trưng ở hai cấp độ này là đưa vào thực tế, giải quyết, đối chiếu, liên hệ.

Với mức độ thứ 5 và thứ 6, đánh giá và sáng tạo, là những gì sinh viên áp dụng trong khâu dịch tác phẩm văn học, ở đó họ có thể “phán xét giá trị hoặc sử dụng thông tin theo các tiêu chí thích hợp” và thể hiện khả năng “tạo ra cái mới”, đây là giai đoạn sinh viên phát triển khả năng dịch ẩn dụ. Bên cạnh đó, việc thiết kế bài tập nhằm sắp xếp theo mức độ từ dễ đến khó là rất quan trọng trong công tác dạy học. Sau khi đã lọc được các ẩn dụ, tác giả xây dựng bài tập dựa trên các cụm ẩn dụ đó. Bài tập điền trống, bài tập đa lựa chọn, bài tập dịch nghĩa cụm ẩn dụ trong một ngữ cảnh khác.

Bài tập đa lựa chọn là dạng bài tập đưa ra bốn lựa chọn về cách diễn giải, cụm từ đồng nghĩa với cụm từ chứa ẩn dụ mà tác giả chọn lọc từ các tác phẩm. Mục đích của bài tập này là để sinh viên nhận biết được các cụm ẩn dụ và có thể hiểu được căn bản ý nghĩa của chúng. Các câu chứa cụm ẩn dụ được trích từ trong tác phẩm, không thay đổi cách kết hợp từ. Bài tập nối cụm ẩn dụ và nghĩa tiếng Việt gồm các câu cho sẵn trích từ tác phẩm và 2 đến 3 cách dịch cho một câu, người học chỉ cần lựa chọn cách dịch phù hợp nhất. Bài tập điền trống yêu cầu sinh viên đặt những cụm ẩn dụ vào ngữ cảnh mới. Bài tập dịch nghĩa ẩn dụ thường được thiết kế sau cùng, giúp người học chuyển tải những cụm ẩn dụ sang tiếng Việt.

2.3.1. Bài tập nối ẩn dụ và nghĩa

Bài tập này gồm các cụm ẩn dụ đã được chọn lọc, mỗi câu, cụm chứa ẩn dụ được kèm theo 2 hoặc 3 cách dịch, nhiệm vụ của người học là nối câu, cụm tiếng Anh và cách dịch

chuẩn trong tiếng Việt. Mục đích của bài tập này nhằm giúp sinh viên hiểu và nhớ được ý nghĩa của cụm ẩn dụ trong tác phẩm. Trong học phần Văn học Anh - Mỹ, chúng tôi chỉ áp dụng loại bài tập này với một tác phẩm, sau khi cân nhắc là tác phẩm này có số lượng các cụm ẩn dụ rất nhiều, vì thế dạng bài tập này có thể giúp tiết kiệm thời gian. Ví dụ:

Exercise: Match the sentence with the better meaning a or b.

1. First he dropped me.
2. Holmes listened attentively to everything, throwing in a question from time to time.
- 1a. Đầu tiên cậu ấy đánh rơi đồ ở chỗ tôi.
- 1b. Đầu tiên cậu ấy bỏ rơi tôi.
- 2a. Holmes lắng nghe mọi thứ rất tập trung, không hỏi câu nào.
- 2b. Holmes lắng nghe mọi thứ rất tập trung, thỉnh thoảng chèn vào một câu hỏi.

2.3.2. Bài tập điền trống

Bài tập điền trống gồm các cụm ẩn dụ trong tác phẩm được tách ra nhưng sử dụng trong một ngữ cảnh khác. Giáo viên phải thiết kế các bài tập điền trống với các chỗ trống và cụm ẩn dụ cho sẵn (tách ra từ tác phẩm) để sinh viên chọn lựa và điền vào. Bài tập điền trống giúp sinh viên sử dụng được, hiểu được các cụm ẩn dụ trong một ngữ cảnh khác với ngữ cảnh cụm ẩn dụ xuất hiện trong tác phẩm. Bài tập điền trống được áp dụng trong 3 bài. Ví dụ:

Fill in each blank with a suitable word or phrase into each blank

ill-natured thing	clear-cut	lived on	bulls and bears
answer	penny-piece	see about	dropped in
escape	rough	on account of	permanent entree

1. The most (1) _____ in my life that I have done is cheating in the exam. When I was a student, we used to (2) _____ and I had a (3) _____ plan for expenditure each month.

2.3.3. Bài tập đa lựa chọn

Bài tập đa lựa chọn gồm các câu trích dẫn từ tác phẩm, yêu cầu học sinh chọn 1 trong 4 lựa chọn có ý nghĩa tương đương và thay thế cho cụm từ in nghiêng, là biểu thức ẩn dụ trong câu cho trước. Mục đích của bài tập này giúp sinh viên xác định rõ ý nghĩa của cụm ẩn dụ. Ví dụ:

Find out the equivalent word or expression (A, B, C or D) to the italic one in the sentence.

1. Time passed
A. time went by B. lack of time C. in need of time D. time is short
2. arious forms of mild dissipation:
A. working time B. relaxation C. illness D. (on) business
3. A period of unbroken rest
A. A short time relaxation C. A working without time for resting
B. A long time off work D. An off work time because of illness

2.3.4. Bài tập dịch nghĩa ẩn dụ

Bài tập này bao gồm các câu, các cụm chứa ẩn dụ trong các tác phẩm, đã xuất hiện ở một trong các dạng bài tập trước, nhưng được xây dựng lại trong một câu khác. Yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Việt. Bài tập này đòi hỏi người học phải vận dụng kiến thức kỹ năng ngôn ngữ để dịch câu. Ví dụ:

Translate the following sentences.

1. Time passed so fast and we had not been well prepared.
2. On weekends, the student at the dorms have various forms of mild dissipation:
3. After a period of unbroken rest during summer holiday, we headed for university.

2.4. Quy trình sử dụng hệ thống bài tập

Sau khi bài tập đã được xây dựng xong, chúng tôi tiến hành thực hiện như sau:

Trước mỗi bài học, sinh viên được gửi bài tập qua group nhóm trên facebook hoặc email của lớp để tự chuẩn bị trước.

Trong giờ học trên lớp, sinh viên được cho thời gian làm việc theo nhóm, mỗi nhóm 4 thành viên, thảo luận về cách chọn lựa đáp án A, B, C hoặc D là cụm đồng nghĩa hoặc diễn giải ẩn dụ đúng nhất.

Sau khi giáo viên lấy phản hồi từ sinh viên về cụm ẩn dụ đúng. Sinh viên chuyển tiếp sang dạng bài tập ngôn ngữ thứ hai, dịch nghĩa cụm ẩn dụ trong ngữ cảnh mới. Ở đây, chúng tôi đã thiết lập bài tập với những câu có chứa cụm ẩn dụ, nhưng do ngữ cảnh có thay đổi, thì cũng thay đổi. Tuy nhiên ý nghĩa của cụm ẩn dụ không thay đổi, để sinh viên có thể vận dụng vào dịch một cách linh hoạt. Ở hoạt động này, sinh viên làm việc theo cặp, nhằm trao đổi quan điểm để thống nhất cách dịch tốt hơn.

Một số cặp sinh viên sẽ đọc bản dịch trước lớp, những thành viên còn lại góp ý để hoàn thiện. Hoặc các cặp sinh viên sẽ dịch ra giấy, sau 20 phút, dán lên tường quanh lớp học, tất cả các sinh viên sẽ được phép đi lại để đọc và đánh giá các bản dịch, sau đó đánh giá xem cặp nào dịch hay nhất.

Với quy trình này, sinh viên sẽ hiểu được các cụm ẩn dụ, ghi nhớ chúng tốt hơn và có thể vận dụng trong việc sử dụng ngôn ngữ của họ.

2.5. Kết quả thực nghiệm

2.5.1. Phân tích kết quả khảo sát sau khi dạy thực nghiệm

Trước khi tiến hành thực nghiệm từ bài thứ 2, tác giả tiến hành đánh giá hoạt động dịch của sinh viên hai nhóm K16A (55 sinh viên), K16B (51 sinh viên). Trong quá trình áp dụng, tác giả lấy điểm dịch là điểm kiểm tra thường xuyên và liên tục đánh giá trên lớp. Kết quả sẽ được so sánh giữa hai lớp. Sau khi sinh viên thi học phần, tác giả cũng lấy điểm học phần và so sánh kết quả môn Văn học Anh - Mỹ ở hai lớp.

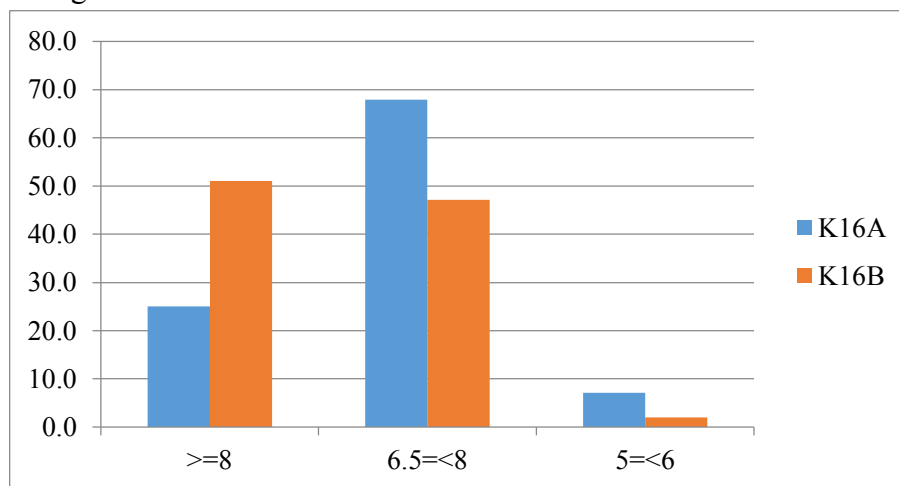
Với bài kiểm tra đầu tiên, trước khi áp dụng bài tập, tác giả kiểm tra bằng bài dịch viết ngắn, kết quả thu được như sau:

Bảng 1. Kết quả kiểm tra trước khi thực nghiệm

Điểm	K16 A		K16B	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
≥ 8	13	23.2	11	21.6
$6.5 \leq < 8$	36	64.3	36	70.6
$5 \leq < 6$	7	12.5	6	11.8

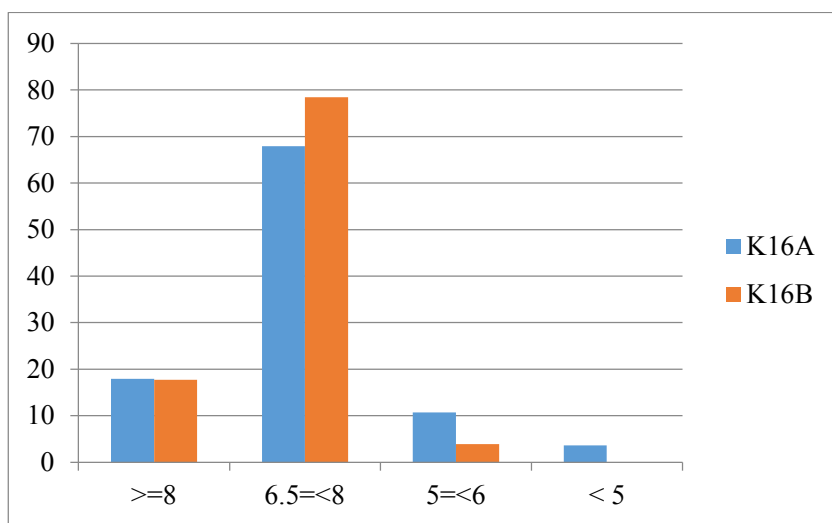
Có thể nhận thấy, kết quả điểm dịch tác phẩm của hai nhóm gần như suýt soát nhau, với mức trên 8 điểm là 23,2% ở K16A so với 21,6% ở K16B. Điểm ở mức từ 6.5 đến 8 ở K16A là 64,3%, ít hơn một chút so với 70,6% từ K16B. Mức điểm thấp nhất, dưới 6 điểm, ở cả hai lớp cũng tương đối tương đồng, lần lượt chiếm tỉ lệ là 12,5% và 11,8%. Như vậy, sự dao động trong điểm số của hai lớp không cách biệt lớn. Có thể nhận xét rằng mức độ ban đầu của hai lớp trong việc dịch là tương đương nhau.

Trong quá trình áp dụng 12 tuần, tác giả cho sinh viên ở cả hai lớp dịch tác phẩm thường xuyên. K16A được tra từ và dịch, K16B được hỗ trợ bài tập và dịch. Kết quả thu được thể hiện trong sơ đồ sau.

**Hình 1. So sánh kết quả điểm dịch K16A,B**

Biểu đồ cho thấy, điểm từ 8 trở lên K16B gần gấp đôi tỉ lệ sinh viên có số điểm này của K16A, với tỉ lệ là 49% so với 25%. Trong khi đó, điểm thấp nhất là từ 5 đến 6 điểm ở lớp K16B cũng ít hơn K16A, với tỉ lệ là 2% so với 5,5 %. Mức điểm ở khoảng giữa từ 6.5 đến dưới 8 của K16A là 69%, so với 47,1% của K16B. Có thể thấy rằng, với việc áp dụng bài tập dịch nghĩa ẩn dụ của tác phẩm, sinh viên hiểu và ghi nhớ tốt hơn những biểu thức ngôn ngữ vốn dĩ là hình thức chơi chữ của tác giả. Vì thế, khi được hỗ trợ từng bước bằng các bài tập, sinh viên có thể dịch tốt hơn so với những người không được sử dụng những bài tập đã được thiết kế.

Sau khi học xong học phần, sinh viên dự kì thi học phần môn Văn học Anh - Mỹ. Tác giả đã lấy kết quả, so sánh để đánh giá xem liệu là có sự khác biệt trong điểm số của sinh viên hai lớp hay không. Biểu đồ sau đây thể hiện thông số này:



Hình 2. Kết quả thi học phần môn Văn học Anh - Mĩ

Ở đây, kết quả chung có khác với bài kiểm tra tập trung vào kỹ năng dịch như trong quá trình dạy học phần Văn học Anh - Mĩ. Với mức điểm từ 8 trở lên, hai lớp có tỉ lệ sinh viên đạt được điểm này tương đương nhau là 17%. Trong khi đó, cách biệt tương đối rõ nét thể hiện ở mức điểm sau. Với mức từ 6.5 đến dưới 8 điểm, K16B có tỉ lệ sinh viên là 78,5%, so với 69% của K16A. Trong khi đó, mức điểm từ 6 trở xuống của hai lớp cũng khác biệt. K16B chỉ có 3,9% sinh viên đạt mức điểm này, trong khi tỉ lệ này của K16A là 14,5%.

Có thể thấy rằng, sự khác biệt lớn nhất của bài tập này khi hỗ trợ sinh viên trong việc học tập môn Văn học Anh - Mĩ nói chung là đối với sinh viên trung bình và khá. Sinh viên giỏi không bị ảnh hưởng nhiều bởi rào cản ngôn ngữ là các cụm ẩn dụ. Có thể lí giải hiện tượng này từ thực tế là, sinh viên có trình độ tiếng Anh cao cũng thường có kỹ năng tự học cao, sự độc lập trong học tập cũng cao. Như vậy, nếu không có bài tập hỗ trợ, họ vẫn có thể tìm tòi những nội dung cần thiết hỗ trợ cho môn học. Trong khi đó, sinh viên ở mức điểm khá và trung bình sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của giảng viên nhiều hơn.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy, hệ thống bài tập là hữu ích trong việc giúp sinh viên có thể hiểu được và dịch được các cụm ẩn dụ khi đánh giá dựa vào cả mức độ yêu thích của họ đối với dạng bài tập này và sự đối sánh giữa kết quả dịch của hai nhóm: Thực nghiệm và Đối sánh, nhóm thực nghiệm có kết quả cao hơn so với nhóm không dạy thực nghiệm. Vì vậy, hệ thống bài tập mà tác giả xây dựng trong nghiên cứu này đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của người học, giúp họ vượt qua khó khăn trong việc hiểu được ý nghĩa của cụm ẩn dụ, hiểu được tác phẩm rõ ràng hơn, có khả năng hiểu và sử dụng ngôn ngữ tốt hơn. Hệ thống bài tập này không chỉ được áp dụng trong một lớp, một khóa mà còn có thể áp dụng ở nhiều khóa, khi kết quả đã cho thấy sự cải thiện trong kết quả học tập của sinh viên như vậy thì những bài tập này trước hết sẽ được sử dụng trong khoa như là một phần của tài liệu dạy học của giảng viên môn Văn học Anh - Mĩ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bloom, B. S. (1969), *Taxonomy of educational objectives: The classification of educational goals : Handbook I, Cognitive domain*. New York: McKay.
- [2] Charteris-Black, J. (2004), *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*. Hamsphire, New York: Palgrave MacMilan
- [3] Charteris-Black, J. (2005), *Politicians and Rhetoric: The Persuasive Power of Metaphor*. Hamsphire, New York: Palgrave MacMilan.
- [4] Gibbs, R. (1998), *The Fight Over Metaphor in Thought and Language*. In Katz, et. al. (eds.), *Figurative Language and Thought* (pp. 88 – 118). Oxford: Oxford University Press.
- [5] Gibbs, R.Jr. (2007), *Why Cognitive Linguists Should Care More about Empirical Methods*, In Gonzalez-Marquez, M. et. al. (eds.), *Methods in Cognitive Linguistics* (pp. 2 - 18). Amsterdam, Philadelphia: John Benjamins.
- [6] Kovecses (2010), *Metaphor: A Practical Introduction. (Second Edition)*, Oxford: Oxford University Press.
- [7] Lakoff, G. and Johnson, M. (2003), *Metaphors we live by. (Second Edition)*, Chicago: University of Chicago Press.
- [8] Picken, J. D. (2007), *Literature, Metaphor, and the Foreign Language Learner*, New York: Palgrave Mac Milan.

APPLYING EXERCISES TO PRACTICE TRANSLATING METAPHORICAL EXPRESSIONS IN AN ENGLISH AND VIETNAMESE LITERARY COURSE

Nguyen Thi Quyet

ABSTRACT

Teaching English and American Literature is a really challenging job as literary works contain many metaphorical expressions which may cause difficulty to students. This study focuses on designing and applying exercises to help students overcome it. The result shows that the designed exercises helped students improve their understanding of language in the works, and at the same time, better their final results of the subject.

Keywords: *English and American literature, metaphors, learning English.*